

Số: 32 /2023/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 25 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 59/TTr-SKH-CN ngày 25/7/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 252/BC-STP ngày 18/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và thay thế Quyết định số 83/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các nội dung liên quan đến lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh, CV;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, K8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

QUY ĐỊNH

**Về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán
kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định**
(Kèm theo Quyết định số/2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tổ chức cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Các định mức xây dựng dự toán trong quy định này là định mức tối đa áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định.

4. Các nội dung khác liên quan đến lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định không quy định tại Quy định này thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 2. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
I	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
1.1	Chủ tịch hội đồng		1.130	750

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1.2	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		750	500
1.3	Thư ký khoa học		230	150
1.4	Thư ký hành chính		230	150
1.5	Đại biểu được mời tham dự		150	100
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		380	250
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		530	350
3	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
3.1	Chủ tịch hội đồng		530	350
3.2	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		380	250
II	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
1.1	Chủ tịch Hội đồng		1.350	900
1.2	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.130	750
1.3	Thư ký khoa học		230	150
1.4	Thư ký hành chính		230	150
1.5	Đại biểu được mời tham dự		150	100
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		530	350
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		750	500
3	<i>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng</i>	<i>Chuyên gia</i>	<i>1.130</i>	<i>750</i>
III	Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	750	500
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	530	350
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	230	150
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	100
IV	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
<i>1</i>	<i>Chi họp Hội đồng nghiệm thu</i>	<i>Nhiệm vụ</i>		
1.1	Chủ tịch hội đồng		1.350	900
1.2	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.130	750
1.3	Thư ký khoa học		230	150
1.4	Thư ký hành chính		230	150
1.5	Đại biểu được mời tham dự		150	100
2	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét đánh giá</i>		
2.1	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		530	350
2.2	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		750	500

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
3	<i>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng</i>	<i>Chuyên gia</i>	1.130	750
V	Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập	Chuyên gia		
1	Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập		Không quá 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng	Không quá 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng
2	Chi công tác phí của các chuyên gia tư vấn độc lập được mời tham gia			
2.1	Phụ cấp lưu trú		Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh
2.2	Chi thuê phòng nghỉ			
2.3	Tiền phương tiện đi lại			
VI	Dự toán hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác theo quy định; chi hội đồng công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Hội đồng		
1	Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá		Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh	Theo quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
2	Dự toán chi tiền công cho Hội đồng		Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu	Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu
3	Dự toán chi thuê phương tiện đi lại cho đoàn kiểm tra đánh giá		Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế	Thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn chi thực tế
VII	Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội thảo		
1	Người chủ trì hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	người/hội thảo	1.500	1.000
2	Thư ký hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	người/hội thảo	380	250
3	Báo cáo viên trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	báo cáo/hội thảo	2.250	1.500
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	báo cáo/hội thảo	1.130	750
5	Thành viên tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	người/hội thảo	230	150

Điều 3. Định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
I	Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Định mức thù lao chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN (DMcn)	nghìn đồng/tháng	30.000	20.000
2	Các chức danh khác (Thư ký khoa học; Thành viên chính; Thành viên; Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ)	nghìn đồng/tháng	Dự toán thù lao tham gia nhiệm vụ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Dự toán thù lao tham gia nhiệm vụ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
II	Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu (các trường hợp được thuê chuyên gia thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN)			
1	Thuê chuyên gia trong nước		Lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH (Không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN)	Lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH (Không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
2	Thuê chuyên gia ngoài nước		Không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN	Không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN
III	Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định	Nhiệm vụ	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có)	Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có)
IV	Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Hội thảo		
1	Người chủ trì hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học		1.500	1.000
2	Thư ký hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học		380	250
3	Báo cáo viên trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học (không quá 05 báo cáo trình bày trực tiếp)		2.250	1.500
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học (không quá 03 báo cáo không trình bày trực tiếp)		1.130	750

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
5	Thành viên tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học		230	150
V	Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu	Nhiệm vụ	Thông tư số 109/2016/TT-BTC và Thông tư số 37/2022/ TT-BTC	Thông tư số 109/2016/TT-BTC và Thông tư số 37/2022/ TT-BTC
VI	Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Nhiệm vụ	Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu	Không quá 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu
VII	Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Nhiệm vụ	3,75% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ)	2,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (không quá 100 triệu đồng/nhiệm vụ)
VIII	Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có)	Nhiệm vụ	Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước	Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./